STT	MÃ NHÓM	MÃ SÁCH	TÊN NHÓM/MÔN	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NĂM XUẤT BẢN	NHÀ XUẤT BẢN	SỐ LƯỢNG	LOẠI SÁCH		TỦ	NGĂN
001	DIC.	DIC.001	TỪ ĐIỂN	Dictionary of Economics	Hoàng Văn Châu	2003	Thống kê	2	A	Sách gốc	5	2
002	DIC.	DIC.002	TỪ ĐIỂN	Dictionary of Economics	TS. Đỗ Phú Vinh	2008	Thống kê	1	A	Sách gốc	5	2
003	DIC.	DIC.003	TỪ ĐIỂN	Employee Training & Development	TS. Đỗ Phú Vinh	2008	Thống kê	1	A	Sách gốc	5	2
004	DIC.	DIC.004	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kinh tế ngoại thương & hàng hải Anh - Việt	Bernard Gurrien	2007	Tri thức	1	A	Sách gốc	5	2
005	DIC.	DIC.005	TỪ ĐIỂN	The Art of Discussion - Based Teaching	PGS-TS Vũ Hữu Tửu	2001	Khoa học -Kỹ thuật	1	A	Sách gốc	5	2
006	DIC.	DIC.006	TỪ ĐIỂN	The MIT Dic of Modern Economics		2007	Từ điển Bách Khoa	1	A	Sách gốc	5	2
007	DIC.	DIC.007	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kế toán - Kiểm toán Thương mại Anh - Việt	TS. Đỗ Phú Vinh	2008	Thống kê	1	A	Sách gốc	5	2
008	DIC.	DIC.008	TỪ ĐIỂN	Từ điển Phân tích kinh tế	David W. Pearce		MIT Press	2	C	Sách photo	5	2
009	DIC.	DIC.009	TỪ ĐIỂN	Từ điển Tài chính Việt - Anh	John Black		Oxford	1	C	Sách photo	5	2
010	DIC.	DIC.010	TỪ ĐIỂN	Từ điển Thuật ngữ Thị trường Chứng khoán Anh - Việt	Raymond A Noe		Mc Graw Hill	1	C	Sách photo	5	2
011	DIC.	DIC.011	TỪ ĐIỂN	Từ điển Toán Kinh tế - Thống kê - Kinh tế lượng Anh - Việt	John E. Henning			1	C	Sách photo	5	2
012	DIC.	DIC.012	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kinh tế - Tài chính - Kế toán	Oxford		John Black	1			5	2
013	DIC.	DIC.013	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kinh tế Ngoại thương & Hàng hải Việt - Anh		2009	Giao thông Vận tải	1			5	2
014	DIC.	DIC.014	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kinh tế Thương mại Anh - Việt	Trần Văn Chánh	2002	Thống kê	1			5	2
015	DIC.	DIC.015	TỪ ĐIỂN	Từ điển Kinh tế Ứng dụng Anh - Việt (Từ A- Z)				1			5	2
016	DIC.	DIC.016	TỪ ĐIỂN	Spanish Dictionary			Oxford	1	A	Sách gốc	5	2
017	DIC.	DIC.017	TỪ ĐIỂN	The BBI Dictionary of English word conbinations	Morton Benson		John Benjamins	1	A	Sách gốc	5	2
018	DIC.	DIC.018	TỪ ĐIỂN	Dictionary of Sociology	Gordon Marshall	2000	Oxford	1	A	Sách gốc	5	2
019	DIC.	DIC.019	TỪ ĐIỂN	Dictionary of Philosophy	Simon Blackburn		Oxford	1	A	Sách gốc	5	2
020	DIC.	DIC.020	TỪ ĐIỂN	Concise Dictionary of Politics	Ianin McLean		Oxford	1	A	Sách gốc	5	2
021	DIC.	DIC.021	TỪ ĐIỂN	Essential Guide to Writing	Thomas S. Kane		Oxford	1	A	Sách gốc	5	2
022	DIC.	DIC.022	TỪ ĐIỂN	Từ điển Tài chính Anh - Việt	Nguyện Thanh Thuận	2008	Giao thông Vận tải	2	A	Sách gốc	5	2
023	DIC.	DIC.023	TỪ ĐIỂN								5	2
024	DIC.	DIC.024	TỪ ĐIỂN								5	2
025	DIC.	DIC.025	TỪ ĐIỂN								5	2
026	DIC.	DIC.026	TỪ ĐIỂN								5	2
027	DIC.	DIC.027	TỪ ĐIỂN								5	2
028	DIC.	DIC.028	TỪ ĐIỂN								5	2
029	DIC.	DIC.029	TỪ ĐIỂN								5	2
030	DIC.	DIC.030	TỪ ĐIỂN								5	2
031	DIC.	DIC.031	TỪ ĐIỂN								5	2
032	DIC.	DIC.032	TỪ ĐIỂN								5	2
033	DIC.	DIC.033	TỪ ĐIỂN								5	2
034	DIC.	DIC.034	TỪ ĐIỂN								5	2
035	DIC.	DIC.035	TỪ ĐIỂN								5	2
036	DIC.	DIC.036	TỪ ĐIỂN								5	2
037	DIC.	DIC.037	TỪ ĐIỂN								5	2
038	DIC.	DIC.038	TỪ ĐIỂN								5	2
039	DIC.	DIC.039	TỪ ĐIỂN								5	2
040	DIC.	DIC.040	TỪ ĐIỂN								5	2
041	DIC.	DIC.041	TỪ ĐIỂN								5	2
042	DIC.	DIC.042	TỪ ĐIỂN								5	2
043	DIC.	DIC.043	TỪ ĐIỂN								5	2
044	DIC.	DIC.044	TỪ ĐIỂN								5	2
045	DIC.	DIC.045	TỪ ĐIỂN								5	2
046	DIC.	DIC.046	TỪ ĐIỂN								5	2
047	DIC.	DIC.047	TỪ ĐIỂN								5	2
048	DIC.	DIC.048	TỪ ĐIỂN								5	2